

# THỰC TRẠNG THỊ TRƯỜNG TANDANIA

*Kiều Thanh Nga\**

Sau khi giành được độc lập, ngày 26/4/1964 hai nước Cộng hòa Tanganiica và Cộng hòa Dandibar hợp nhất thành nước Cộng hòa Thống nhất Tandania. Xét về mặt địa lý, Tandania là một đất nước tươi đẹp nằm ở khu vực Đông Phi, nằm trên bờ biển Ấn Độ Dương, phía đông giáp Burundi, phía tây giáp CHDC Côngô, phía nam giáp Dambia, Malaui, Môdambich, phía bắc giáp Kênia và Uganda, bờ biển phía đông là Ấn Độ Dương. Tandania là một quốc gia có thị trường tương đối mở cửa và là cửa ngõ vào châu Phi. Tuy là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, nhưng Tandania là một đất nước có tiềm năng kinh tế với nhiều khoáng sản như kim cương, vàng, thiếc, magiê, niken... Bên cạnh đó, Tandania lại giữ được nền chính trị ổn định nhất châu Phi. Cho nên, nền kinh tế Tandania từ một trong những nước nghèo nhất thế giới đã và đang từng bước tăng trưởng. Là một quốc gia trẻ, Tandania có hơn một nửa số dân là thanh niên, chăm chỉ và có tay nghề tạo nên nguồn nhân lực dồi dào cho nước này. Hiện nay, Tandania đang có một vị trí địa lý - chính trị - nhân lực quan trọng ở khu

vực Đông Phi được thế giới rất quan tâm và được đánh giá là một trong 10 thị trường châu Phi trọng điểm của Việt Nam.

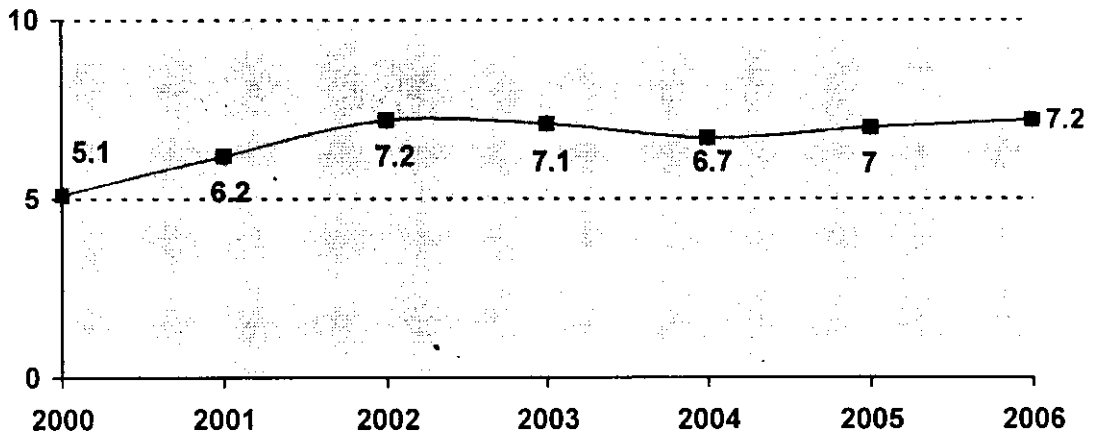
## 1. Khái quát nền kinh tế Tandania

Cộng hòa Thống nhất Tandania có diện tích 945.087 km<sup>2</sup>, dân số 37,4 triệu người, nền kinh tế phụ thuộc rất lớn vào nông nghiệp (chiếm 43,2% GDP), cung cấp 85% giá trị xuất khẩu và tạo công ăn việc làm cho 85% lực lượng lao động của Tandania. Công nghiệp chiếm 17,2% GDP, chủ yếu là chế biến sản phẩm nông nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng chế tạo. Dịch vụ có du lịch và khách sạn chiếm 39,6%. Tandania là cửa ngõ đi vào châu Phi, là thành viên của Cộng đồng Đông Phi (EAC) và Cộng đồng Phát triển Miền Nam châu Phi (SADC).

Từ năm 1986, chính phủ Tandania đã thực hiện chương trình cải cách kinh tế. Cho đến nay, chương trình này đã đem đến những kết quả đáng kể cho nền kinh tế Tandania. Chương trình này cũng đã nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế song phương và đa phương, trong đó có Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các đối tác song phương khác đã cung cấp các khoản hỗ trợ cho Tandania nhằm cải tổ hệ thống cơ sở hạ tầng yếu kém của nước này.

\* Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Bảng 1: Tăng trưởng GDP của Tanzania (2000-2006)



(Nguồn: IMF, WB, 2006)

Nhờ những cải cách đó, nền kinh tế Tanzania đã đạt được những thành công đáng khích lệ, giai đoạn từ năm 2000 đến 2005 mức tăng trưởng GDP đạt từ 5,1% đến 7%, dự kiến năm 2006 là 7,2%. GDP đầu người tăng từ 269,4 USD năm 2000 lên 700 USD năm 2005. Dự trữ ngoại hối của Tanzania đạt mức 1,3 tỷ USD vào cuối tháng 3/2003 tương đương kim ngạch nhập khẩu trong 7,5 tháng. Đây là mức giữ kỷ lục trong lịch sử Tanzania. Gần đây, sự cải thiện của hệ thống thuế Tanzania đã tăng mức thu ngân sách lên khoảng 4 lần so với những năm 1990.

Năm 1995 tỷ lệ lạm phát của Tanzania vẫn ở mức trên 30%, đến giai đoạn 1997/1998 đã được kiểm soát ở mức 2 con số, đến năm 2003 là 4,4% và tiếp tục giảm xuống chỉ còn 3,8% vào cuối năm 2004, mức thấp nhất kể từ năm 1943 (*Index of Economic Freedom 2006 - Tanzania*).

## 2. Những đặc điểm và động thái thị trường Tanzania

Tanzania tuy là một trong những nước nghèo nhất thế giới, tiến hành cải cách kinh tế từ những năm 1980 và đến nay đã

gặt hái được những thành công nhất định. Với vị trí cửa ngõ vào châu Phi, có nguồn tài nguyên phong phú, giàu khoáng sản, đang được thế giới quan tâm với các hàng hóa xuất khẩu chủ lực: vàng, khoáng sản, cà phê, hạt điều, bông... và các hàng hóa nhập khẩu chính là hàng tiêu dùng, máy móc, thiết bị, nguyên liệu. Nền ngoại thương của Tanzania còn ở mức khiêm tốn do sự phát triển yếu kém của các mặt hàng xuất khẩu. Theo WB thì năm 2003 tổng kim ngạch xuất khẩu của Tanzania là 1,8 tỷ USD (vàng chiếm 40% giá trị xuất khẩu), nhập khẩu 2,4 tỷ USD, đến năm 2005 thì tổng kim ngạch xuất khẩu cũng chỉ ở con số 1,59 tỷ USD còn tổng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 2,5 tỷ USD. Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm: Hà Lan, Ấn Độ, Anh, Đức, Phần Lan, Kênia và Nhật Bản. Trong đó, thị trường châu Âu chiếm 30% lượng xuất khẩu của Tanzania, Nhật Bản, Ấn Độ và các nước châu Á khác chiếm 30%, tiếp theo là các nước Châu Phi dẫn đầu là Kênia và Dimbabuê chiếm 20%, Mỹ chiếm 5%, còn lại các nước Mỹ Latinh và các nước khác chiếm 15%. Riêng Việt Nam, nhập khẩu

của Tandia gỗ và các sản phẩm gỗ, ngoài ra năm 2005 chúng ta nhập khẩu 3.702 tấn bông từ Tandia.

Bên cạnh đó, thị trường nhập khẩu chính của Tandia cũng rất đa dạng, bao gồm: các nước châu Âu chiếm 30% tổng lượng nhập khẩu, châu Phi 20%, châu Á 15% và Mỹ cung cấp tới 35% lượng nhập khẩu của Tandia. Trong đó, theo Tổng cục Hải quan Việt Nam riêng năm 2004-2005 Tandia nhập khẩu 27,2 triệu USD gạo từ Việt Nam, năm 2005 nhập 29.553 USD tỉ vi màu và 327.186 USD hàng dệt may của Việt Nam.

*Trong lĩnh vực thương mại hàng hóa:* Ngoài việc tạo thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế, thương mại Tandia cũng trực tiếp đóng góp cho nền kinh tế quốc dân. Thương mại đóng góp gần 13% trong tổng GDP, trong đó, thương mại trong nước chiếm khoảng 20% tổng giao dịch thương mại. Ngành thương mại cũng thu hút hơn 25% lực lượng lao động và chiếm một phần quan trọng trong các hoạt động liên kết kinh tế quốc tế và khu vực. Năm 1999, hoạt động thương mại tăng khoảng 6%. Nhìn chung, lĩnh vực thương mại đang được tiến hành rất thuận lợi kể từ năm 1986 nhờ có những hướng dẫn và bổ sung của chính sách tự do hóa trong chương trình điều chỉnh cơ cấu và chương trình phục hồi nền kinh tế. Những kết quả này đã được chứng minh bằng sự sẵn có của hàng hóa tiêu dùng và tư liệu sản xuất tại thị trường nội địa. Giá cả chung của hàng hóa đã được cải thiện đáng kể do tỉ lệ lạm phát đã giảm mạnh từ trên 30% năm 1992/1993 xuống còn 8% vào năm 1999. Các sản phẩm nông nghiệp góp phần chủ yếu cho thu nhập quốc dân và chiếm 85% hàng xuất khẩu của cả nước,

nhưng hàng năm Tandia vẫn phải nhập một số lượng lớn gạo cho nhu cầu trong nước. Các sản phẩm nông nghiệp chủ đạo là: cà phê, chè, bông, sợi xidan, thuốc trừ sâu làm từ hoa khô của loài hoa cúc lá nhỏ, hạt điều, thuốc lá, cây đinh hương, ngô, lúa mì, tinh bột sắn, chuối, hoa quả, rau củ quả, gia súc gia cầm, cừu, dê... trong đó, Tandia đứng đầu thế giới về xuất khẩu sợi xidan (181 nghìn tấn/năm).

Bên cạnh đó, ngành trồng trọt là nguồn cung cấp thực phẩm và nguyên liệu sống cho các ngành công nghiệp nội địa. Các sản phẩm trồng trọt chính là: sản phẩm thực phẩm và sản phẩm xuất khẩu. Các sản phẩm thực phẩm bao gồm: ngô, lúa gạo, lúa miến, lúa mì, đậu tương, sắn, mía và khoai tây. Các sản phẩm xuất khẩu gồm có các sản phẩm truyền thống như: cà phê, sợi cotton, sợi xi đan, chè, hạt điều, thuốc lá, hoa cúc và cây đinh hương. Các sản phẩm mới chủ yếu là lạc, đậu dũa, nho, hoa hướng dương, cây bạch đậu khấu, hoa cát rời, củi dứa khô... Trong những năm gần đây, do tình hình thời tiết khô hạn và lũ lụt bất ổn, sản lượng trồng trọt của Tandia không ổn định, gây ra tình trạng thiếu lương thực và sụt giảm về xuất khẩu.

Riêng trong lĩnh vực chế biến nông sản, số lượng các doanh nghiệp Tandia hoạt động còn mỏng, chưa đạt được kết quả cụ thể. Ngành dệt may và sản xuất, chế biến đồ da cũng chưa phát triển mạnh trong khi đó nguồn nhiên liệu lại rất dồi dào tại thị trường này. Cho nên, đây là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam xem xét đầu tư vào các ngành này.

Ngành ngư nghiệp Tandia cũng có nguồn cá tiềm năng cả vùng nước mặn và nước ngọt. Ven đường biên giới của

Tanzania có nhiều nguồn nước tinh khiết, phía bắc có hồ Victoria, hồ lớn nhất châu Phi, trên phần sông Nin (Sangara) rất giàu các loại cá, là nguồn cung cấp cá file xuất khẩu sang các nước thành viên EU và các thị trường khác. Mặc dù có biển Ấn Độ Dương bao bọc từ bắc xuống nam, nhưng nghề đánh bắt cá còn thủ công, nên chưa phát huy hết khả năng. Hiện nay, có nhiều nước đang đầu tư vào ngành này, hy vọng xuất khẩu cá của Tanzania sẽ ngày càng tăng. Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi có quy mô lớn nhưng chưa xuất khẩu được nhiều các sản phẩm thịt, mỡ động vật do ngành công nghiệp bao gói và đồ hộp còn kém phát triển. Ngành lâm nghiệp và săn bắn cũng có rất nhiều tiềm năng với 44 triệu ha rừng. Rừng là một nguồn lợi lớn với sản lượng khai thác hàng năm hơn 30 triệu m<sup>3</sup> gỗ.

Ngành công nghiệp không đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của Tanzania, tuy nhiên các sản phẩm của ngành công nghiệp đã làm bùng sáng sự tăng trưởng của Tanzania, trong đó có vàng và đá quý. Tanzania được hưởng nguồn lợi bột phát từ khoáng sản nên các sản phẩm từ vàng và đá quý đã dẫn đầu tăng trưởng xuất khẩu, sự tăng trưởng xuất khẩu này có vẻ làm sống động tăng trưởng của Tanzania. Năm 2003, ngành khai thác khoáng sản đóng góp cho GDP 2,3%, dự kiến năm 2025 sẽ tăng lên 10%. Đây là một trong những ngành dẫn đầu về thu ngoại tệ cho đất nước trong số các mặt hàng xuất khẩu mới của Tanzania. Tanzania may mắn có được nguồn đá quý phong phú trong đó có những loại như tanzanite chỉ có ở Tanzania. Trong những năm gần đây, Tanzania nổi lên là một quốc gia dẫn đầu thế giới xuất khẩu vàng. Khoáng sản của Tanzania bao gồm: mỏ than, muối, cao

lanh, thiếc, thạch cao, phốt phát.... Việc nhập khẩu các mặt hàng đá quý, vàng, kim cương tại các thị trường này cũng là một cơ hội làm ăn lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Ngành sản xuất chế tạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế Tanzania, thu hút hơn 100.000 lao động của cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành khác trong nền kinh tế thông qua mối liên hệ cung cầu. Ngành sản xuất chế tạo đóng góp trên một nửa số thuế thu được hàng năm của chính phủ. Mặc dù hoạt động xuất khẩu của ngành đang có xu hướng giảm nhưng đây vẫn là ngành thu ngoại tệ lớn thứ ba quốc gia sau nông nghiệp và du lịch. Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành công nghiệp trong giai đoạn 1991/1995 là 1%/năm đã tăng lên 5,3% giai đoạn 1996/1999. Tuy nhiên, quy mô hoạt động sản xuất trong ngành sản xuất chế tạo của Tanzania vẫn còn tương đối nhỏ và non trẻ.

Quyết định đưa ra chính sách tự do hóa thương mại và đầu tư của chính phủ Tanzania từ năm 1986 đã giúp nhiều doanh nghiệp trở nên mạnh hơn, kết thành khối thống nhất để cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu. Rất nhiều biện pháp đã được áp dụng nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp địa phương và tăng khả năng thâm nhập vào thị trường nước ngoài. Các lĩnh vực của ngành sản xuất chế tạo bao gồm:

- Ngành sản xuất thực phẩm, đồ uống và thuốc lá
- Ngành dệt may, sản phẩm da và giày dép
- Ngành sản xuất gỗ và các sản phẩm gỗ, bao gồm cả sản xuất đồ dùng gia đình.

- Ngành sản xuất giấy và sản phẩm giấy
- Ngành dược phẩm, dầu khí, cao su và nhựa
- Ngành chế biến khoáng sản phi kim loại
- Ngành sản xuất thép cơ bản
- Ngành sản xuất thép, máy móc và thiết bị
- Các ngành sản xuất khác.

Hiện nay, Tandia có nhu cầu cao về tiêu thụ và phát triển các ngành công nghiệp nhẹ như sản xuất lưới đánh cá, chế biến nông, lâm sản. Các doanh nghiệp Việt Nam có thể xem xét việc xuất khẩu các dây chuyên chế biến nông sản vào Tandia hoặc làm trung gian xuất khẩu nhằm khai thác nhu cầu đang tăng mạnh tại thị trường này.

*Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ:* Theo số liệu của WB năm 2004, các sản phẩm dịch vụ của Tandia chiếm 39,6% GDP. Trong đó, nổi lên là ngành du lịch, năm 1992 Tandia đã thu 120 triệu USD từ du lịch và đến năm 2002 doanh thu đã lên tới 750 triệu USD, tăng hơn 6 lần trong vòng 10 năm. Tandia có diện tích đất rộng lớn và hoang sơ, là cơ sở cho sự phát triển và duy trì ngành công nghiệp du lịch. Với lợi thế thiên nhiên hoang dã và diện tích rộng lớn, ngành du lịch của Tandia có nhiều tiềm năng trong việc tổ chức các hoạt động du lịch như hoạt động ngắm cảnh, săn bắn, du lịch trên biển, leo núi... Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng nếu ngành du lịch được phát triển hợp lý thì nó có thể trở thành ngành thu ngoại tệ lớn thứ hai sau ngành nông nghiệp. Các tua du lịch tăng từ 153.000 năm 1990 tới 627.000 năm 1999.

Bên cạnh đó, ngành vận tải và mạng lưới viễn thông thực hiện nhiều chức

năng, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế – xã hội của Tandia, tạo khả năng trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động thương mại với các nước chỉ có thể thực hiện được nếu có sự hiện diện của cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

*Các đối tác thương mại:* Bạn hàng thương mại chủ yếu của Tandia hiện nay là Ấn Độ, Anh, Đức, Phần Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, Kênia, Dimbabuê... Trong đó, châu Âu là đối tác thương mại lớn nhất của Tandia, chiếm 30% lượng xuất khẩu và 30% lượng nhập khẩu của Tandia, còn Mỹ là đối tác nhập khẩu chính của Tandia chiếm tới 35% tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này. Hầu hết Tandia phải chịu thâm hụt thương mại với tất cả các nước trên thế giới.

### 3. Chính sách thương mại và mở cửa thị trường của Tandia

#### a. Chính sách thương mại

Công cuộc cải cách kinh tế từ năm 1985 của Tandia đã thúc đẩy cơ chế chính sách thương mại theo hướng tự do hóa rõ rệt, đặc biệt là về vấn đề thuế. Chính phủ Tandia đang cố gắng thiết lập môi trường kinh tế có lợi cho cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tandia sử dụng chính sách thuế chung, thuế nhập khẩu đánh trên tất cả các hàng hóa nhập khẩu vào Tandia với thuế suất trung bình từ 20% đến 60%. Trong đó, thuế đối với hàng máy móc, thiết bị điện tử là thấp nhất chỉ có 20%; thuế đối với nguyên liệu, thực phẩm và khoáng sản là 30%; thuế đối với hàng tiêu dùng bao gồm thực phẩm chế biến sẵn, đồ dùng gia đình là 40%. Còn thuế đối với hàng tiêu dùng cao cấp bao gồm trang sức và dệt may là cao nhất lên tới 60%.

Tanzania sử dụng hai loại thuế chính: Thuế nhập khẩu theo Cơ chế Tối huệ quốc (MFN) và thuế ưu đãi đặc biệt. Tanzania dành thuế MFN cho tất cả các nước, thuế nhập khẩu sẽ tính trên giá hàng. Hàng nhập khẩu sẽ phải nộp thuế nội địa (bao gồm thuế tiêu thụ và thuế VAT). Thuế suất trung bình trong biểu thuế MFN của Tanzania gồm 5.337 dòng thuế (theo hạng 8 kí tự trong hệ thống phân loại và mã hàng hóa- HS) là 16,1%. Biểu thuế của Tanzania nhìn chung biến đổi mạnh giữa các loại hàng. Gần đây, Ủy ban Quốc tế của Tanzania đã thông qua một lộ trình nhằm đơn giản hóa thuế suất với tỉ lệ nhỏ nhất là 0% và cao nhất là 25%.

Mức thay đổi thuế lớn nhất là trong lĩnh vực khai thác khoáng sản thô. Thuế suất đối với các sản phẩm cá là 18,3% trong khi đối với nguyên liệu thô và sản phẩm sơ chế là 13,3%.

Còn với thuế ưu đãi, Tanzania dành hình thức thuế ưu đãi cho các thành viên của Khối Thị trường chung Đông và Nam châu Phi (COMESA), các thành viên của Cộng đồng Phát triển Miền Nam châu Phi (SADC) và Cộng đồng Đông Phi (EAC). Đây chính là chính sách thương mại ưu đãi dành cho các thành viên gần gũi nhất của Tanzania.

Với chính sách bảo hộ không cao như một số quốc gia châu Phi khác, Tanzania được đánh giá là một thị trường tương đối mở cửa của khu vực Đông Phi. Gần đây, chính phủ đã bãi bỏ chế độ giấy phép xuất nhập khẩu ngoại trừ đối với một số mặt hàng được coi là nhạy cảm với sức khỏe vì lí do an toàn. Tất cả hàng nhập khẩu đều phải nộp thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu được miễn đối với những hàng hóa

thuộc các dự án được nước ngoài, các tổ chức từ thiện và các tổ chức phi chính phủ tài trợ. Chính phủ Tanzania đang dự kiến loại bỏ thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng máy tính và phụ kiện, thiết bị y tế, thiết bị thuộc các dự án giáo dục hoặc đầu tư. Chính phủ cũng đã bãi bỏ tất cả các loại thuế đối với một số dược phẩm dùng để chữa bệnh HIV và sốt rét. Mức thuế nhập khẩu đánh vào hàng dệt may, điện tử, lương thực, thực phẩm ở đảo Dandibar thấp hơn so với mức thuế đánh vào sản phẩm cùng loại ở vùng đất liền. Trước đây, Tanzania dùng hàng rào phi thuế quan để bảo hộ các ngành công nghiệp trong nước và thị trường nội địa. Gần đây, chính phủ đã điều chỉnh thuế quan để thay thế cho hàng rào phi thuế quan ngoại trừ đối với những sản phẩm dễ nổ, gây cháy, hàng quân sự và những hàng hóa khác được coi là nhạy cảm đối với an toàn sức khỏe của con người. Theo đánh giá của WB, tỷ lệ thuế quan bình quân năm 2003 của Tanzania là 8,2%, giảm so với mức 15,4% của năm 2002.

Riêng trong lĩnh vực bảo vệ sở hữu trí tuệ, Tanzania đã xây dựng hệ thống luật phù hợp với các yêu cầu chung của WTO, nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên trong hoạt động thương mại. Tanzania cũng rất nghiêm ngặt trong việc kiểm tra hàng hóa trong khi giao dịch. Bộ Tài chính Tanzania đã ký một hợp đồng về hoạt động kiểm tra trước khi giao hàng với công ty kiểm tra COTECNA và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/3/1999. Theo hợp đồng thì COTECNA chịu trách nhiệm kiểm tra mọi chuyến hàng trị giá trên 5.000 USD giá FOB nhập khẩu vào Tanzania tại thời điểm trước khi giao hàng tại nước xuất khẩu. Về trị giá hải quan, Tanzania vẫn

sử dụng cách tính theo Hiệp định Bruccen (BDV). Ủy ban Tiêu chuẩn Tanzania chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn. Cho đến nay, chính phủ Tanzania đã ban hành tổng số 572 tiêu chuẩn các loại, tất cả các tiêu chuẩn của Tanzania đều mang tính tùy ý áp dụng, chủ trương của Ủy ban Tiêu chuẩn là chấp nhận mọi tiêu chuẩn quốc tế sẵn có. Riêng các sản phẩm về động thực vật, Tanzania giao cho Bộ Nông nghiệp và các hợp tác xã chịu trách nhiệm quản lý về tiêu chuẩn kiểm dịch khi xuất nhập khẩu.

Bên cạnh đó, Tanzania có phương thức phân phối hiệu quả, nhất là thông qua hệ thống các đại lý phân phối hoặc các văn phòng đại diện tại địa phương. Phương thức này có ba ưu điểm: Thứ nhất, nó tạo khả năng cho các doanh nghiệp duy trì liên tục hoạt động kinh doanh. Thứ hai, nó bảo đảm khả năng thanh toán của các đối tác địa phương và do đó, giảm thiểu rủi ro và chi phí cho doanh nghiệp. Cuối cùng nó bảo vệ các doanh nghiệp nước ngoài còn ít kinh nghiệm khi tham gia vào thị trường Tanzania.

### ***b. Chính sách mở cửa thị trường***

Là một quốc gia đang có nhiều biện pháp cải tổ nền kinh tế và đang trong xu hướng toàn cầu hóa hội nhập nền kinh tế cho nên Tanzania cũng có những chính sách mở cửa thị trường tương đối hấp dẫn.

Chính phủ Tanzania có nhiều nỗ lực trong việc đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khu vực. Tháng 3 năm 1996, Tanzania cùng Uganda đã bắt đầu tiến hành thảo luận nhằm tìm cách đẩy mạnh hợp tác kinh tế khu vực, dẫn đến việc ra đời Cộng đồng Đông Phi (EAC) tháng 9 năm 1999. Từ ngày 01/01/2005, Liên minh

Thuế quan giữa ba nước Đông Phi (EAC) gồm Tanzania, Kênia và Uganda bắt đầu có hiệu lực. EAC cũng đang thảo luận việc thành lập Liên minh Tiền tệ chung và tiến tới thành lập Liên bang Đông Phi gồm cả Burundi và Ruanda.

Hiện nay, Tanzania cũng là quốc gia duy nhất ở Đông Phi tham gia Cộng đồng Phát triển Miền Nam châu Phi (SADC) gồm 14 nước Trung và Nam Phi. Tuy nhiên, với việc tham gia SADC, Tanzania đã quyết định rút khỏi Khối Thị trường chung Đông và Nam châu Phi (COMESA) từ năm 2000. Trong quan hệ với EU, Tanzania tham gia vào Công ước Lômé và được hưởng ưu đãi buôn bán với EU theo quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Với Mỹ, Tanzania đã duy trì một mối quan hệ tốt. Từ năm 2000, Tanzania được hưởng lợi từ đạo luật "Tăng trưởng kinh tế và cơ hội cho châu Phi" của Mỹ. Theo đó, luật này cho phép các doanh nghiệp Tanzania được xuất khẩu sang thị trường Mỹ miễn thuế đối với hơn 4.000 sản phẩm. Tuy nhiên, vì Tanzania vẫn chưa đáp ứng một số yêu cầu của Mỹ cho nên chưa được hưởng ưu đãi xuất khẩu đối với các mặt hàng dệt may.

Mặc dù được đánh giá là thị trường châu Phi trọng điểm, có những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực dồi dào, Tanzania vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới với nền kinh tế kém phát triển, là một thị trường tiềm năng nhưng cũng có nhiều rủi ro. Bởi lẽ, thiếu năng lực xuất khẩu quốc gia, kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào viện trợ nước ngoài (chủ yếu là của Mỹ và Trung Quốc). Thiết bị máy móc, công nghệ cao còn phụ thuộc vào các nước phương

Tây và Mỹ rất nhiều. Sự yếu kém về khả năng tiếp cận của nền kinh tế vào các thị trường quốc tế, không có lợi cho các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Tandia. Để có thể tận dụng những lợi thế địa lí, nguồn nhân lực vốn có, Tandia cần phải đạt được các mục tiêu chủ yếu: Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, tự do hóa thương mại và mở cửa nền kinh tế hơn nữa để nhanh chóng dịch cơ cấu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

và xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc viện trợ nước ngoài.

Trong quan hệ thương mại với Việt Nam, tháng 12 năm 2004 Việt Nam và Tandia đã ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học và công nghệ. Đây là hiệp định đầu tiên được ký giữa hai nước kể từ ngày thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1965. Cho đến nay, quan hệ hợp tác thương mại giữa hai bên tiếp tục được triển khai, thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2 : Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Tandia (2000-2005)**

(Triệu USD)

	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Xuất khẩu	9,3	8,3	6,1	20,7	25,0	16,3
Nhập khẩu	0,7	1,6	1,0	1,3	3,8	2,256

(Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2005)

Tuy nhiên, như chúng ta thấy, quan hệ thương mại Việt Nam - Tandia vẫn còn ở mức thấp. Trao đổi thương mại hai chiều giai đoạn 2000 - 2005 tăng không đáng kể, Việt Nam vẫn ở mức suất siêu. Hy vọng chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Edward Lowassa ngày 6/9/2006 vừa qua và Thỏa thuận hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam với Phòng Thương mại - Công nghiệp và Nông nghiệp Tandia sẽ mở ra nhiều triển vọng hơn nữa cho hợp tác thương mại giữa hai bên.

### Dự báo triển vọng thị trường

Tandia đang thực hiện mục tiêu tầm nhìn đến 2025 của chính phủ bao gồm :

- 1) Mức sống dân cư cao
- 2) Bộ máy lãnh đạo hiệu quả và pháp luật hoàn chỉnh
- 3) Một nền kinh tế mạnh mẽ và đầy tính cạnh tranh

Với những chuyển biến của nền kinh tế trong những năm qua và những mục tiêu đặt ra cho năm 2025, ta thấy Tandia là một thị trường đầy tiềm năng phát triển đối với Việt Nam bởi vì:

*Thứ nhất*, do kết quả của quá trình cải cách rộng rãi, đặc biệt là tiến hành tư nhân hóa mạnh mẽ nền kinh tế, Tandia đã và đang có những biến chuyển lớn và căn bản. Điều này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường Tandia một cách thuận lợi.

*Thứ hai*, Tandia đang hướng tới một nền kinh tế ổn định và cải thiện chất lượng cuộc sống, do đó nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế này sẽ rất lớn. Là cơ hội tốt để Việt Nam xuất khẩu hàng hóa.

*Thứ ba*, trong cơ cấu xuất nhập khẩu của Tandia có nhiều loại hàng hóa mà Việt Nam có thể tiến hành mua bán qua lại và tăng cường hợp tác.



*Thứ tư*, với tỉ lệ tăng trưởng mục tiêu 8%/năm, Tanzania đã và đang là thị trường đầy tiềm năng đối với Việt Nam.

### **Những lí do khả quan cho việc đầu tư vào Tanzania:**

1. Tanzania có tình hình kinh tế xã hội ổn định.

2. Đẩy mạnh phát triển với nền kinh tế thị trường tự do và khu vực kinh tế tư nhân.

3. Đất đai phì nhiêu, giàu khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên phong phú, chưa được khai thác.

4. Nguồn nhân lực dồi dào, chăm chỉ, thân thiện và có tay nghề.

5. Tanzania đã thu hút được số lượng lớn các nhà đầu tư và các doanh nhân từ giữa những năm 1980, khi nền kinh tế bắt đầu khôi phục.

6. Tanzania có mạng lưới thông tin khá tốt, thuận tiện cho việc trao đổi thương mại giữa Tanzania với khu vực và thế giới cũng như thương mại trên biển.

7. Tanzania đang tăng tốc trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, đặc biệt là vận tải, thông tin và năng lượng.

8. Tanzania được sự ủng hộ rất lớn của các tổ chức quốc tế như WB, IMF và các tổ chức tài trợ khác.

9. Tanzania đã tham gia các tổ chức và hiệp định quan trọng như: Cộng đồng Phát triển Miền Nam Châu Phi (SADC), Hiệp định Thương mại Ưu đãi (PTA), Cộng đồng Đông Phi (EAC). Tanzania đã ký kết Công ước Lô-mé giữa EEC và châu Phi trong các lĩnh vực như: Cơ quan bảo đảm đầu tư song phương (MIGA) và Trung tâm quốc tế giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID).

10. Phương tiện giao dịch quốc tế bảo đảm an toàn lợi ích cho các nhà đầu tư.

### **Các lĩnh vực đầu tư có tiềm năng:**

1. Công nghiệp chế tạo
2. Dầu mỏ và khai thác mỏ
3. Xây dựng
4. Giao thông vận tải
5. Giao nhận vận tải
6. Tin học và công nghiệp công nghệ cao
7. Nông nghiệp
8. Phát triển chăn nuôi
9. Tài nguyên thiên nhiên
10. Du lịch

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đỗ Đức Định - Brian van Arkadie: *So sánh cải cách kinh tế của Việt Nam và Tanzania*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, số 2/2006.
2. World Bank, *2006 Index of Economic Freedom: Tanzania*, [www.worldbank.org](http://www.worldbank.org)
3. *Trade Performance Index: Tanzania*, [www.intracen.org](http://www.intracen.org)
4. *Tanzania Trade* :[www.ustr.gov](http://www.ustr.gov)